

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN SAPHIRE

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312898068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 08 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 18 tháng 04 năm 2018.

Địa chỉ trụ sở: Phòng 1&2, Lầu 11 SaiGon Centre, 67 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

CI 831600

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 295, 296 ,tờ bản đồ số: 10 ,
951, 952 ,tờ bản đồ số: 11 , Bộ địa chính phường Phú Hữu, quận 9
(Tài liệu đo năm 2001).
- b) Địa chỉ: Phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.
- c) Diện tích: 27.217,0 m² (Bằng chữ: Hai mươi bảy ngàn hai trăm mười bảy phẩy không mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (Xây dựng khu nhà ở).
- e) Thời hạn, nguồn gốc sử dụng đất:
 - Đối với đất ở: giao đất có thu tiền sử dụng đất, thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2016. Người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng được sử dụng đất ổn định lâu dài theo quy định tại Khoản 3, Điều 126, Luật đất đai.
 - Đối với đất công trình công cộng, cây xanh cảnh quan và giao thông không kinh doanh: giao đất không thu tiền sử dụng đất, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh bất động sản Sapphire có trách nhiệm xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận 9 và các cơ quan chuyên ngành quản lý theo quy định.

Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2016 và Quyết định số 6281/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú:

- Cơ cấu sử dụng đất theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 số 4445/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2018.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH

TU. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Toàn Thắng

Số vào sổ cấp GCN: CT.74987

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Toạ độ		Cạnh(m)	Số hiệu điểm	Toạ độ		Cạnh(m)	Số hiệu điểm	Toạ độ		Cạnh(m)
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)	
1	1194781.27	613998.65	21.94	12	1194618.90	613922.54	20.38	24	1194701.02	613864.93	1.33
2	1194780.58	614020.58	34.24	13	1194621.32	613902.30	21.21	25	1194700.54	613866.17	6.10
3	1194751.05	614037.91	45.00	14	1194624.19	613881.29	31.89	26	1194694.61	613871.69	3.01
4	1194707.66	614049.85	30.82	15	1194627.62	613849.58	7.34	27	1194692.92	613874.18	2.60
5	1194686.27	614072.04	R=22	16	1194629.03	613842.38	39.33	28	1194692.56	613876.76	1.84
6	1194669.13	614075.75	71.02	17	1194667.66	613849.76	8.86	29	1194693.59	613878.04	3.15
7	1194600.99	614055.73	39.59	18	1194666.34	613858.52	15.01	30	1194695.70	613880.38	3.14
8	1194591.61	614017.27	4.16	19	1194661.34	613859.16	10.17	31	1194697.70	613882.80	91.63
9	1194595.72	614016.63	53.85	20	11946691.44	613860.34	4.18	32	1194751.91	613956.67	9.28
10	1194599.19	613962.89	14.40	21	1194695.54	613861.13	2.39	33	1194756.06	613964.97	3.18
11	1194613.40	613965.23	43.04	22	1194697.81	613861.89	2.45	34	1194754.71	613967.85	40.67
12	1194618.90	613922.54		23	1194699.99	613863.01	2.18	1	1194781.27	613998.65	
				24	1194701.02	613864.93					

Phần chi tiết xem Bản đồ hiện trạng vị trí số 43788/GĐ-TNMT được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 27 tháng 04 năm 2016.